

Báo Cáo Tổng Kết

về

Dự án Khảo sát Tình hình Kinh doanh
Động vật Hoang dã trong Nhà hàng Quán ăn
Tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nguyễn Phúc Bảo Hòa
Julia C. Shaw, và
Nguyễn Vũ Khôi

Tháng 10 - 2004

© 2004, Wildlife At Risk

64/1A Trần Huy Liệu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại & Fax: (84) 8 8452300

Mọi thắc mắc về tài liệu này xin vui lòng liên lạc theo địa chỉ: info@wildlifeatrisk-vietnam.org

1	2
3	4
5	6

Ảnh Nguyễn Vũ Khôi

Ảnh bìa: Ảnh 1. Tay gấu phục vụ cho các món ăn tại nhà hàng do Chi Cục Kiểm Lâm TP-HCM tịch thu
Ảnh 2. Các chai rượu rắn tại 1 nhà hàng ở quận 2
Ảnh 3. Quảng cáo bán mật gấu tại một nhà hàng ở quận 12
Ảnh 4. Quảng cáo bán nhung nai tại một nhà hàng ở quận 2
Ảnh 5: Một chuông thần lặn nước tại một nhà hàng ở quận 9
Ảnh 6: Một chuông Dơi tại một nhà hàng ở quận Thủ Đức



Báo Cáo Tổng Kết

về

**Dự án Khảo sát Tình hình Kinh doanh
Động vật Hoang dã trong Nhà hàng Quán ăn
Tại Thành Phố Hồ Chí Minh**

Các chữ viết tắt

FPD-HCMC	Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh
TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
WAR	Tổ chức Wildlife At Risk
ID book	Sách Định dạng nhanh (một số loài)

Mục lục

Các chữ viết tắt.....	4
Lời tựa.....	6
1 Tổng Quan	7
1.1 Sơ lược.....	7
1.2 Mục tiêu	7
1.3 Các nhà hàng quán ăn tại TP-HCM	8
2. Phương pháp.	8
3 Kết quả khảo sát: 1621 nhà hàng quán ăn	9
3.1 Nhà hàng.....	9
3.2 Thực khách	11
3.3 Câu hỏi liên quan đến loài.....	13
3.4 Lý do ăn động vật hoang dã?	17
3.5 Một viễn cảnh sang lạn?	19
3.6. Tóm tắt các phát hiện của cuộc khảo sát	20
4. Thảo luận và đề xuất	21
5. Kết luận.....	23
6. Tài liệu tham khảo	23
Phụ lục-1 Kết quả trả lời các câu hỏi.....	24
Phụ lục-2: Bảng cam kết, từ rơi và áp phích của dự án	26
Phụ lục-3: Bảng câu hỏi khảo sát	29

Lời tựa

Bản báo cáo này là kết quả của sự nỗ lực giữa Chi cục Kiểm lâm Thành phố HCM và Tổ chức Wildlife At Risk (WAR) trong các vấn đề về quản lý kinh doanh buôn bán thịt rừng và các loài động vật hoang dã trên địa bàn TP HCM. Bản báo cáo được phân tích dựa trên số liệu do Chi cục Kiểm lâm TP-HCM cung cấp. Báo cáo này phản ánh tình trạng buôn bán thịt rừng tại các nhà hàng quán ăn ở TP-HCM trong một giai đoạn từ tháng 8-2003 đến tháng 9-2004. Việc di chuyển thường xuyên các địa điểm kinh doanh của một số nhà hàng do nhu cầu của thị trường cũng là một trở ngại cho chương trình khảo sát này trong việc đảm bảo hoạt động khảo sát toàn bộ các khía cạnh buôn bán động vật hoang dã. Tuy nhiên, các kết quả của báo cáo này rất có giá trị cho các nhà quản lý trong việc định hướng những ý tưởng về hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng như: nhóm đối tượng, loại hình truyền truyền và nhóm loài ưu tiên tuyên truyền.

Chúng tôi xin trình bày một số kết quả của hoạt động khảo sát đầu tiên về các thịt rừng tại các nhà hàng quán ăn ở TP-HCM.

1 Tổng Quan

Mặc dù các món thịt rừng được phục vụ tại các nhà hàng quán ăn từ lâu nay tại TP-HCM, và một số nỗ lực của Chi cục Kiểm lâm TP-HCM trong việc nâng cao nhận thức bảo tồn thế giới hoang dã, có rất ít các nghiên cứu đầy đủ về việc tiêu thụ động vật hoang dã trên thị trường TP-HCM. Dựa vào các quyết định 18 (1992), quyết định số 02 (1995), quyết định số 77 (1996) và quyết định số 48 (2002), giải quyết tình trạng kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn TP HCM là một điều cần thiết và được các cơ quan có thẩm quyền thông qua. Khảo sát này được Tổ chức Wildlife At Risk thiết kế và Chi cục Kiểm lâm TP-HCM thực hiện trong vòng 14 tháng (từ tháng 8-2003 đến tháng 9-2004), với mục đích đề xuất một phương pháp có hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng cho các nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng và việc sử dụng các công cụ phù hợp và đầy đủ để cung cấp một chương trình giáo dục bảo tồn cho cộng đồng.

1.1 Sơ lược

Chi cục Kiểm lâm thành phố đã tiến hành 1 cuộc khảo sát nhanh 132 nhà hàng tại TP HCM vào năm 2002 đã ghi nhận được kết quả là 42 nhà hàng (chiếm 32%) có kinh doanh động vật hoang dã trái phép, trong cuộc khảo sát này ghi nhận được 1.979 kg rắn, rùa và nhân sâm.

Số liệu từ 20 phòng thương mại quận/huyện và của UBND TP vào thời điểm tháng 4 năm 2003 đã cho thấy khoảng 4.612 nhà hàng và quán cơm, có đăng ký hoạt động, thì gần một nửa số đó được cho là có kinh doanh phục vụ các món ăn từ động vật hoang dã.

Các thông tin và số liệu từ việc kinh doanh bất hợp pháp động vật hoang dã, cho thị trường tiêu thụ tại TP HCM và cho các đường dây buôn bán trong khu vực, chưa đầy đủ. Cơ quan thực thi luật có quyền ngăn chặn việc buôn bán động vật hoang dã trong TP là Chi Cục Kiểm Lâm TP HCM (CCKL-TPHCM) còn hạn chế về nguồn nhân lực và khả năng so với quy mô các hoạt động kinh doanh động vật hoang dã.

Từ những lý do trên, Dự án “ Khảo sát tình trạng kinh doanh động vật hoang dã tại các hộ kinh doanh ăn uống ở TP HCM” (gọi tắt là dự án) được CCKL-TPHCM đề xuất và đã được Tổ chức Wildlife At Risk tại Việt Nam cùng phối hợp với Chi Cục xây dựng và triển khai nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng về việc bảo tồn thiên nhiên hoang dã, và làm cơ sở dữ liệu về việc kinh doanh buôn bán động vật hoang dã tại TP HCM, và sau cùng đi đến khả năng ngăn chặn việc kinh doanh buôn bán bất hợp pháp các loài động vật hoang dã.

Dự án này do Tổ chức Wildlife at Risk tại Việt Nam tài trợ. (Theo công văn số phê duyệt số 5240/UB-CNN ngày 24/10/2003 của Ủy Ban Nhân Dân TP HCM)

1.2 Mục tiêu

Để hoàn thành dự án ‘Khảo sát tình trạng kinh doanh động vật hoang dã tại các hộ kinh doanh ăn uống ở TP HCM’, các mục tiêu được đặt ra:

1. Nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên nhiên hoang dã.
2. Xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu về hoạt động kinh doanh động vật hoang dã tại TP HCM
3. Thực thi pháp luật để ngăn chặn việc kinh doanh bất hợp pháp động vật hoang dã tại TP HCM.

1.3 Các nhà hàng quán ăn tại TP-HCM

Đến thời điểm hiện nay, có tổng cộng 4.612 nhà hàng và quán ăn trong khu vực TP HCM với đầy đủ chi tiết về giấy phép đăng ký kinh doanh, địa chỉ, địa bàn, loại thức ăn và nước uống phục vụ, đã được đăng ký tại 20 UBND quận/huyện. Danh sách các nhà hàng quán ăn này được CCKL-TPHCM tổng hợp và lưu trữ.

Trong số này, 2.021 nhà hàng và quán ăn được dự án tập trung khảo sát do:

- Có đăng ký kinh doanh thức uống có cồn
- Có đăng ký kinh doanh thức ăn thường được dùng kèm với nước uống có cồn.
- Có thương hiệu kinh doanh nghi ngờ như “Hương Rừng”, “Đầm Chim”, “Cá Sấu” hay ngay cả tên phụ nữ.

2. Phương pháp.

Phương pháp chính được áp dụng trong cuộc khảo sát này là phỏng vấn trực tiếp các chủ nhà hàng và thực khách có đang mặt. Một bảng câu hỏi đã được chuẩn bị sẵn để điền các thông tin khảo sát (xem phụ lục 1). Trong quá trình phỏng vấn, các thành viên khác của nhóm sẽ quan sát nhà hàng và tiến hành thu thập thêm các thông tin khác bằng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc.

Một nhóm khảo sát được thành lập gồm 3 thành viên của đội tuần tra cơ động thuộc CCKL-TPHCM và 2 thành viên của chính quyền địa phương (nơi có quán ăn). Các cuộc khảo sát tại nhà hàng và quán ăn được thực hiện trong và ngoài giờ hành chính, tùy thuộc vào thời gian hoạt động của các quán ăn.

Tiến trình khảo sát một quán ăn/ nhà hàng bao gồm:

- Nhóm khảo sát đến 1 nhà hàng/ quán ăn được chỉ định bởi người điều phối dự án.
- Trưởng nhóm khảo sát sẽ phỏng vấn chủ nhà hàng hay người đại diện.
- Giới thiệu mục đích của cuộc khảo sát và đưa các giấy tờ công vụ hỗ trợ.
- Yêu cầu sự hợp tác và thông tin cho những người được phỏng vấn biết thời gian khảo sát có thể kéo dài 20 phút.
- Trưởng nhóm và 1 thành viên nhóm sẽ phỏng vấn những người này sau khi đưa ra 1 bảng câu hỏi và điền vào bảng này; (người phỏng vấn chỉ có thể giải thích câu hỏi cho rõ hơn mà không trả lời thay cho người được phỏng vấn và điền vào bảng câu hỏi theo quan điểm của người đi phỏng vấn).
- Hai thành viên khác sẽ điều tra nhanh xung quanh quán ăn hay nhà hàng, và thông tin cho nhóm trưởng ngay sau cuộc phỏng vấn để xác định chắc chắn các thông tin đã được chủ nhà hàng cung cấp.
- Thành viên khác của nhóm sẽ có một cuộc phỏng vấn nhanh với thực khách của quán ăn hay nhà hàng.
- Nếu nhà hàng hay quán ăn vi phạm việc buôn bán kinh doanh động vật hoang dã, Nhóm trưởng lập hồ sơ và tịch thu các loài động vật hoang dã hay các bộ phận của động vật hoang dã tại nơi này.
- Phân phát các tài liệu tuyên truyền để phỏng vấn và dán các áp phích lên tường.
- Ký (03) cam kết giữa người được phỏng vấn và đại diện của CCKL-TPHCM có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, dán 1 bản sao của tờ cam kết lên tường và mỗi bên giữ 1 bản.

Dung lượng mẫu của khảo sát này là 2,000 nhà hàng. Tuy nhiên, việc một số nhà hàng đóng cửa ở vị trí trước đây và số liệu bị trùng lặp do sự di chuyển này đã làm giảm số liệu thực đưa vào xử lý còn: 1,621 nhà hàng.

Một số thông tin phụ từ Chi cục Kiểm lâm cũng được tham khảo thêm để có một bức tranh toàn diện về kinh doanh động vật hoang dã tại TP HCM.

3 Kết quả khảo sát: 1621 nhà hàng quán ăn

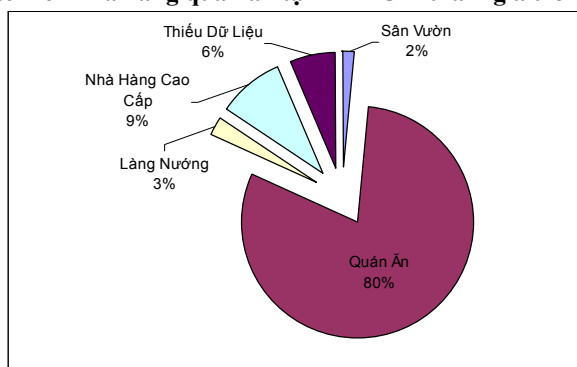
3.1 Nhà hàng

Các kiểu nhà hàng:

Trong số 1621 nhà hàng được khảo sát giai đoạn đầu, có 4 kiểu chính là:

- Các quán ăn: Trong nhà, phổ biến cho tầng lớp trung lưu. Kiểu quán ăn này khá phổ biến trong địa bàn thành phố. Trong đợt khảo sát này, chúng tôi đã thống kê được 1293 trong tổng số 1621 nhà hàng được xếp vào loại này (80%).
- Các nhà hàng: Trong nhà, có máy lạnh và phục vụ các món ăn đắt tiền. Có 147 nhà hàng thuộc loại này trong tổng số khảo sát trên (9%).
- Làng nướng: Đây là kiểu dịch vụ ăn uống trở nên phổ biến tại thành phố trong thời gian gần đây; kiểu dịch vụ này có đặc điểm là quy mô rộng lớn, thường là phục vụ ngoài trời và có các món nướng. Có 49 nhà hàng thuộc loại này. (3%).
- Sân vườn: Phục vụ cho những thực khách thích môi trường thiên nhiên. Có 29 dịch vụ loại này trong tổng số 1621 điểm khảo sát (2%).
- Số liệu không đầy đủ: 103 nhà hàng (6%).

Hình-1: Các kiểu nhà hàng quán ăn tại TP-HCM tham gia trong cuộc khảo sát



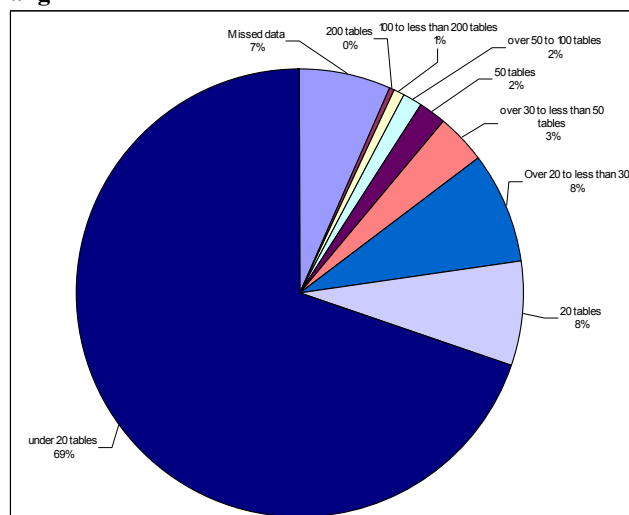
Quy mô:

Chỉ có 110 (của 1621) bảng câu hỏi về quy mô nhà hàng/ quán ăn không được điền đầy đủ (chiếm 6.8%), trong đó:

- Chỉ có 2 nhà hàng (0,1%) có quy mô phục vụ tới 200 bàn tại cùng 1 thời điểm, và 1 bàn có thể phục vụ cho 6-10 người.
- 12 nhà hàng có 100 ít hơn 200 bàn (0.7%).
- 25 nhà hàng có hơn 50 bàn nhưng ít hơn 100 (1.5%).

- 33 nhà hàng có 50 bàn (2%).
- 56 nhà hàng có khoảng 31 và ít hơn 50 bàn (3.5%).
- 129 nhà hàng có khoảng 21 and 30 bàn (8%).
- 126 nhà hàng có 20 bàn (7.8%).
- 1128 nhà hàng khác có ít hơn 20 bàn (69.6%).

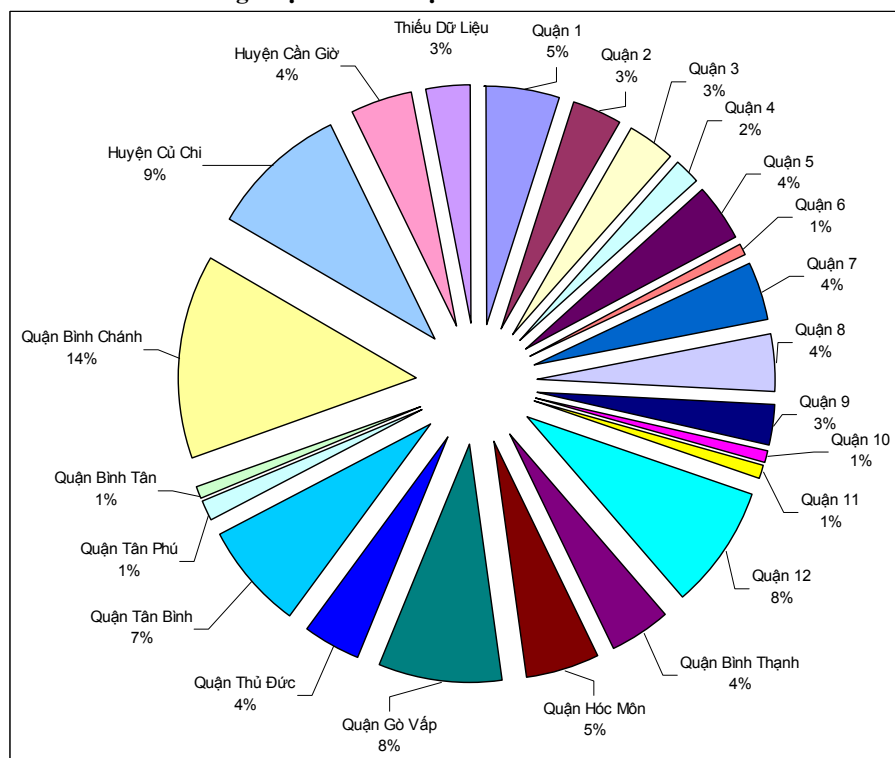
Hình 2: Quy mô các nhà hàng



Phân bố:

Tổng số 1621 nhà hàng có số liệu xử lý trong khảo sát này trải rộng trên địa bàn 18 quận của 22 quận huyện trong TP-HCM.

Hình 3: Phân bố của 1621 nhà hàng được khảo sát tại TP-HCM



Các nhà hàng có số liệu khảo sát nằm rải trên địa bàn thành phố, nhưng chủ yếu tập trung ở 4 quận: Bình Chánh, Gò Vấp, Quận 12 và Tân Bình. (xem tỷ lệ trên hình 3). Các quận này nằm ở vùng rìa ngoài của TP HCM, và là nơi tập trung một số lượng lớn lực lượng lao động phổ thông và lực lượng nhập cư từ một số tỉnh khác.

Đăng ký:

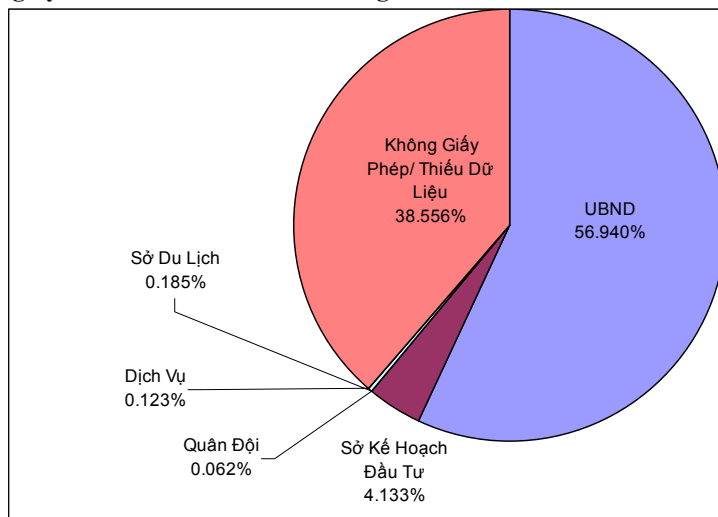
Danh sách 2,021 nhà hàng được CCKL-TPHCM thu thập từ các phòng thương mại quận/ huyện trong năm 2003 chưa cập nhật đến thời điểm tiến hành khảo sát do hoạt động kinh doanh ăn uống rất biến động và không thống kê được.

Kiểm tra tình trạng đăng ký của các nhà hàng cũng là mục tiêu của CCKL-TPHCM trong đợt khảo sát này. Tuy nhiên, công việc này chưa được các nhân viên đi phỏng vấn của CCKL-TPHCM tập trung và chú ý, chỉ có 966 (60%) bảng câu hỏi trong tổng số 1621 bảng được điền. Trong số 1621 nhà hàng/quán ăn, có:

- 923 nhà hàng/quán ăn đã đăng ký giấy phép hoạt động tại phòng thương mại của UBND quận/huyện.
- 67 nhà hàng/ quán ăn đăng ký tại Sở thương mại TP.
- 1 nhà hàng/quán ăn do quân đội cấp giấy phép.
- 3 nhà hàng/quán ăn do ngành du lịch thành phố cấp giấy phép.
- 2 là dịch vụ, và

625 nhà hàng quán ăn khác không rõ tình trạng đăng ký.

Hình 4: Tình hình đăng ký kinh doanh của các nhà hàng



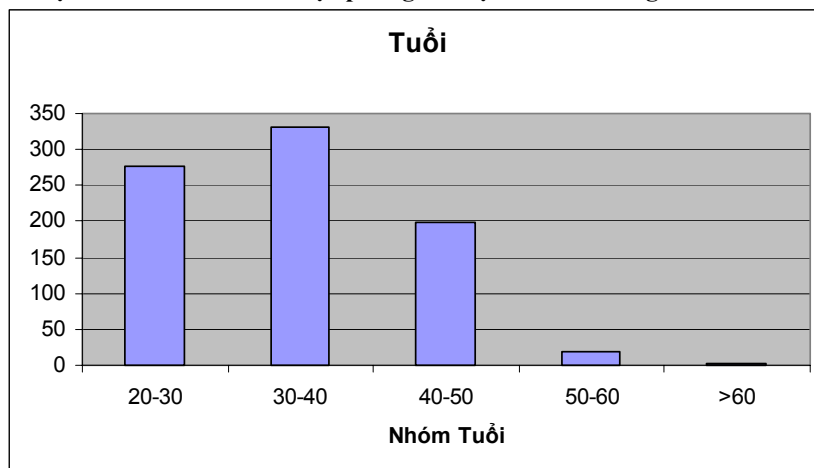
3.2 Thực khách

845 thực khách đã được phỏng vấn trong đợt khảo sát 1621 nhà hàng/quán ăn. Tính toán cho thấy, tổng số thực khách được phỏng vấn xấp xỉ 50% tổng số nhà hàng và chủ nhà hàng.

691 (82%) trong số 845 thực khách được phỏng vấn là nam giới.

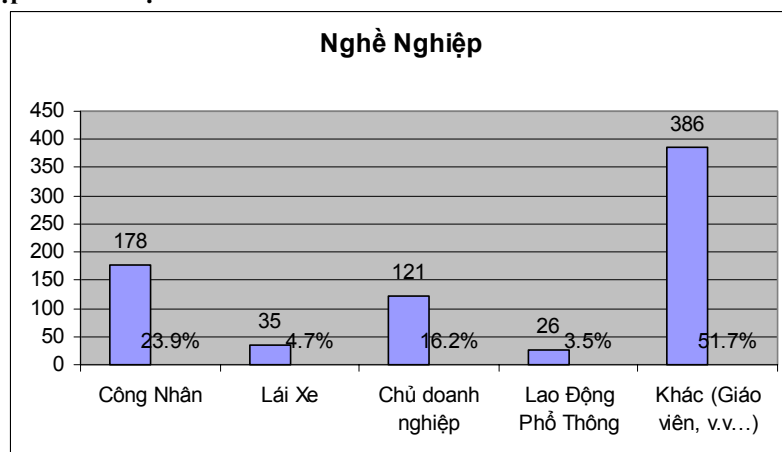
331 (40%) trong số 826 thực khách được phỏng vấn có độ tuổi trong khoảng 30-40, theo sát là thực khách trong nhóm tuổi 20-30: 276 (33%).

Hình -5: Các nhóm thực khách khác nhau được phỏng vấn tại 1621nhà hàng

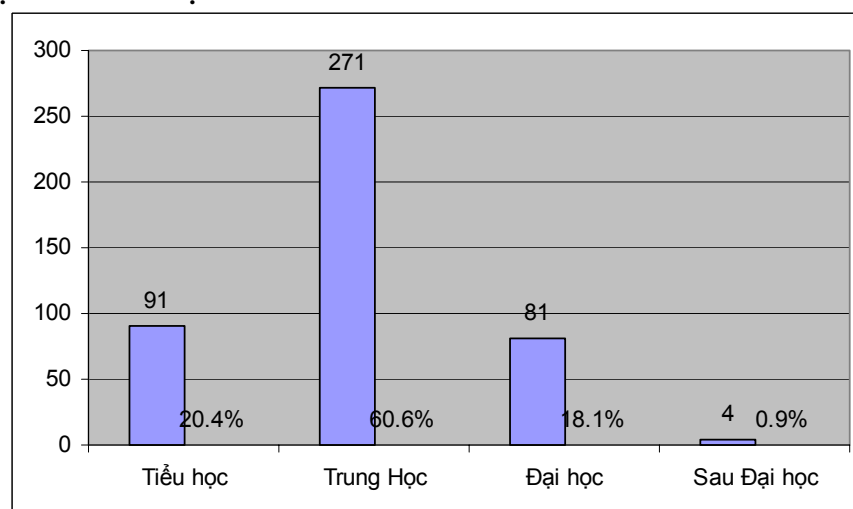


360 (48%) trong số 746 người tham gia câu trả lời về nghề nghiệp, trong đó 24% số người trả lời là công nhân (xem hình 6). Câu hỏi kèm theo với nghề nghiệp là trình độ học vấn mà trong đó hơn 60% có bằng tốt nghiệp phổ thông (xem hình 7).

Hình 6: Nghề nghiệp của các thực khách



Hình 7: Trình độ học vấn của các thực khách



3.3 Câu hỏi liên quan đến loài

40 loài động vật hay nhóm động vật đã được đưa vào trong câu hỏi khảo sát hay do người đi phỏng vấn nêu ra.

Các câu hỏi liên quan đến loài nhiều nhất đã được thiết kế cho cả chủ nhà hàng và thực khách để đánh giá mức độ hiểu biết của họ về thế giới hoang dã tại Việt Nam.

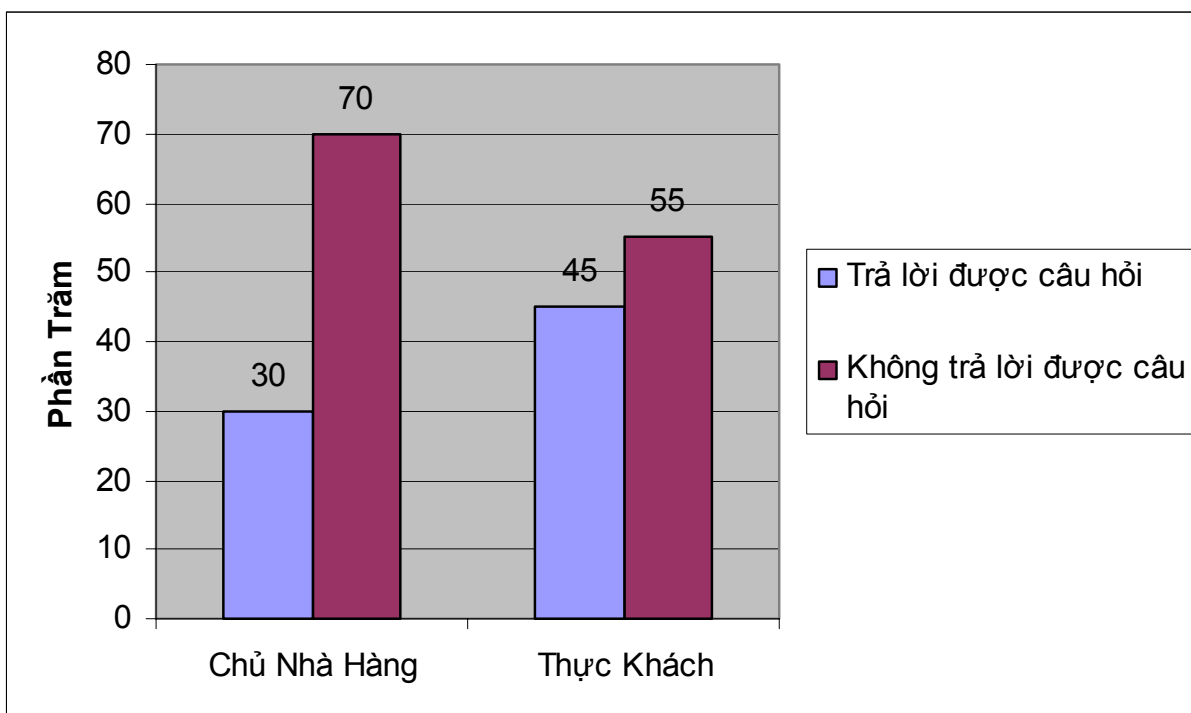
Loài bị nguy cấp:

Câu hỏi được nhắm tới đầu tiên là danh sách 5 loài nguy cấp nhất của Việt Nam. Kết quả phân này cho thấy chỉ có 132 (8%) trong số 1621 chủ nhà hàng/quán ăn có thể trả lời đầy đủ 5 loài, 370 (23%) chủ nhà hàng khác trả lời không đầy đủ và còn lại 1,119 (69%) chủ nhà hàng khác không thể đưa ra đề nghị nào về các loài bị nguy cấp ở Việt Nam.

Trong số 859 thực khách được hỏi, 385 (45%) người có thể đưa ra danh sách về các loài nguy cấp, mà trong đó có 101 (12% số thực khách được phỏng vấn) người đã đưa ra danh sách đầy đủ 5 loài. Còn lại 474 (55%) người khác không biết gì về các loài động vật hoang dã đang bị đe dọa ở Việt Nam.

Kết luận chỉ có 30,3% nhà hàng/quán ăn hiểu biết rằng có một số những loài động vật hoang dã đang bị đe dọa nguy cấp ở Việt Nam, trong khi đó tỷ lệ này ở thực khách cao hơn là: 45%. Tuy nhiên các con số này cho thấy kiến thức về các loài động vật hoang dã ở Việt Nam vẫn còn thấp.

Hình 8: So sánh khả năng trả lời 5 loài nguy cấp giữa 2 nhóm chủ nhà hàng và thực khách



Không có sự khác biệt lớn trong câu trả lời về các loài động vật nguy cấp giữa nhóm thức khách và nhóm chủ nhà hàng/quán ăn trong việc nhận định 5 loài nguy cấp nhất (xem phụ lục 1 và bảng 1)

- Theo số liệu phỏng vấn 887 người (trong đó có 502 người là chủ nhà hàng/quán ăn và 385 người là thực khách) thì Hổ (cọp) đứng đầu trong danh sách các loài động vật bị nguy cấp ở Việt Nam, loài này có tần xuất trả lời là 650 trong số 3,017 câu trả lời của cả 2 nhóm đối tượng phỏng vấn.
- Kế đến là Voi với tần xuất trả lời là 542.
- Tê Giác với tần suất trả lời là 360.
- Báo đứng hàng thứ 4 với tần xuất 314 (thấp hơn vị trí thứ nhất gần 50%)
- Gấu được xếp vào vị trí thứ 6!
- Nhóm 5 loài đầu tiên có tần xuất trả lời cao hơn nhóm 5 loài tiếp theo trong danh mục (bảng 1).
- Đặc biệt nhóm thú linh trưởng có tần xuất trả lời thấp chỉ từ 8 đến 25.
- Ngoại trừ rắn có tần xuất trả lời cao nhất trong danh mục 40 loài (bảng 1), hầu hết các nhóm bò sát còn lại và chim đều có tần xuất trả lời thấp.

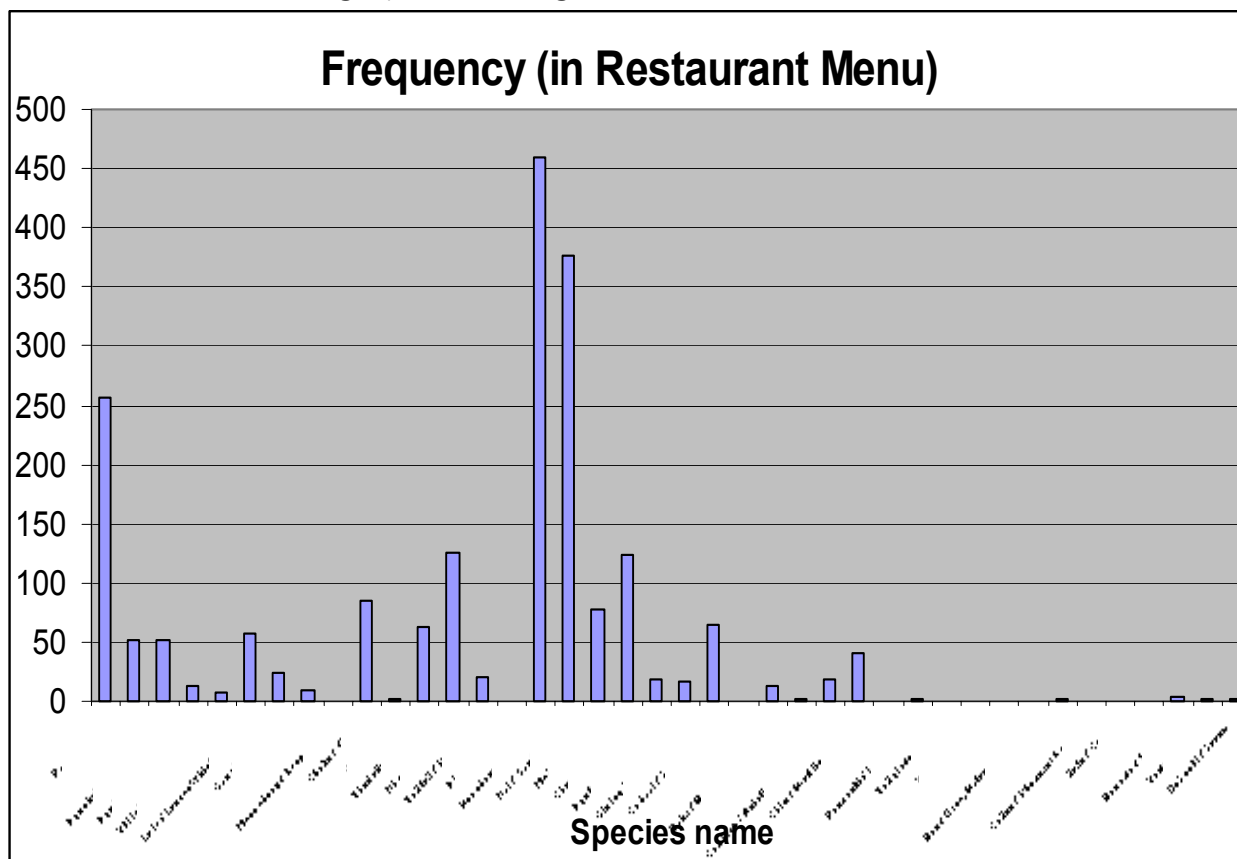
Bảng-1: Thứ tự các loài bị nguy cấp theo danh sách 40 loài soạn sẵn trên quan điểm của thực khách và chủ nhà hàng.

Thứ tự	Loài	Tần số	Thứ tự	Loài	Tần số
1	Hổ	650	21	Mễn	8
2	Voi	542	22	Dê nuối (Sơn dương)	7
3	Tê giác	360	23	Sếu	7
4	Báo	314	24	Le le	4
5	Bò rừng	296	25	Rùa núi	3
6	Gấu	236	26	Cheo	3
7	Rắn	163	27	Thỏ rừng	3
8	Rùa	113	28	Kỳ đà	3
9	Tê Tê	62	29	Chim	2
10	Saola	46	30	Culi	1
11	Heo rừng	31	31	Cua đinh	0
12	Công	29	32	Vịt Trời	0
13	Khỉ	25	33	Gà Nước	0
14	Nai	22	34	Kỳ Nhông	0
15	Voọc	21	35	Kỳ tôm	0
16	Bò cạp	19	36	Giông Đất	0
17	Chồn	16	37	Cu Đất	0
18	Nhím	14	38	Baba	0
19	Mèo Rừng	9	39	Cá (chình)	0
20	Vượn	8	40	Dơi	0

Loài có trong thực đơn nhà hàng:

29 loài được ghi nhận trong thực đơn của 1621 nhà hàng/quán ăn, theo thứ tự sau: **(1) Heo rừng / Wild Pig: frequency 257, (2) Nai / Sambar Deer 376, (3) Rắn / Snake 257, (4) Nhím / Porcupine 126, (5) Cheo / Chevrotain 123, (6) Civet / chồn 85; (7) Mễn / Munjac : 78; (8) Cu Đất / Spotted Dove: 65; (9) Thỏ rừng / Hare 63; (10) Le le / Lesser Whistling Duck 57; (11) Kỳ nhông / Salamander 52; (12) Rùa / Turtle 51, (13) Chim / Bird (nói chung) 41, (14) Gà nước /**

Rail 24, (15) Tê tê / Pangoline 20; (16) Kỳ tôm / Monitor X 19; (17) Cua Đinh / Asiatic Softsell Turtle 18; (18) Giông đất / Monitor Y 16, (19) Kỳ đà / Water Monitor 12; (20) Baba / Hawkbill Sea Turtle 12; (21) Dơi / Bat10, (22) Vịt trời / Spot-billed Duck 7, (23) Bò cạp / Scorpion 3; (24) Voọc / Langur 2 (25) Gấu / Bear 1, (26) Dê núi / Serow 1; (27) Rùa núi / Land Turtle; (28) Báo / Panther 1, và (29) Cá chình / Eel.



Loài có tại nhà hàng:

Loài khoái khẩu:

Không có sự khác nhau về quan điểm khoai khẩu một số loài động vật hoang dã giữa chủ nhà hàng và thực khách.

Theo chủ nhà hàng:

- (1) Heo rừng / Wild Pig 79,
- (2) Rắn / Snake 65,
- (3) Nai / Sambar Dear 42,
- (4) Chồn / Civet 19,
- (5) Nhím / Porcupine 16,
- (6) Rùa / Turtle 8;
- (7) Le le / Lesser Whistling Duck 6,
- (8) Cua đinh / Asiatic Soft-shell Turtle 5;
- (9) Cu đất / Spotted Dove 5,
- (10) Mễn/ Munjtac 5;
- (11) Thỏ rừng / Hare 5;
- (12) Gà nước / Rail 4;
- (13) Chim / Bird (in general) 3;
- (14) Giông đất / Monitor Y 13;
- (15) Cheo/ Chevrotain 3;
- (16) Tê tê / Pangolin 3,
- (17) Kỳ đà / Water Monitor 3,
- (18) Baba / Hawksbill Sea Turtle 2,
- (19) Kỳ Tôm / Monitor X 2;
- (20) Kỳ Nhông / Salamander 2;
- (21) Voi / Elephant 1;
- (22) Vượn / Gibbon 1;
- (23) Gấu / bear 1 and
- (24) Vịt trời / Spot-billed Duck 1.

Theo thực khách:

- (1) Rắn / Snake 130,
- (2) Heo rừng / Wild Pig 99,
- (3) Nai / Sambar Dear 82,
- (4) Rùa / Turtle 34,
- (5) Chồn / Civet 31,
- (6) Nhím / Porcupine 28,
- (7) Mễn / Munjtac 27
- (8) Thỏ rừng / Hare 23,
- (9) Cheo / Chevrotain 20,
- (10) Le le / Lesser Whistling Duck 18
- (11) Kỳ đà / Water Monitor 13
- (12) Tê tê / Pangolin 11,
- (13) Gà nước / Rail 10
- (14) Vịt trời / Spot-billed Duck 8,
- (15) Kỳ nhông / Salamander 7,
- (16) Dơi / Bat 4,
- (17) Khỉ / Macaque 3
- (18) Gấu / bear 3
- (19) Mèo rừng / Leopard Cat 2
- (20) Baba / Hawksbill Sea Turtle 1, and
- (21) Cu đất / Spotted Dove.

Và điều thú vị là danh mục 3 loài khoái khẩu nhất hoàn toàn giống nhau giữa thực khách và chủ nhà hàng đó là (1) Rắn / Snake, (2) Heo rừng / Wild Pig and (3) nai / Sambar Dear, và thứ tự 3 loài này không thay đổi khi số mẫu tăng lên.

Loài khó kiếm:

Câu hỏi này được thiết kế hỏi chủ nhà hàng/quán ăn và thực khách nhằm tìm hiểu thêm về loài động vật hoang dã nào trở nên hiếm thấy trên thị trường (và trong thiên nhiên).

Bảng 2: Thứ tự các loài khó tìm theo quan điểm của thực khách và chủ nhà hàng

ST T	<u>Quan điểm của chủ nhà hàng</u>		<u>Quan điểm của thực khách</u>	
	Loài	Tần số	Loài	Tần số
1	Tê tê	22	Chồn	45
2	Rắn	20	Rắn	39
3	Chồn	20	Nai	38
4	Nai	11	Nhím	32
5	Nhím	10	Tê tê	30
6	Heo rừng	10	Rùa	28
7	Gấu /bear	6	Heo rừng	27
8	Kỳ Đà	3	Gấu	19
9	Kỳ tôm	3	Mễn	18
10	Rùa	2	Cheo	17
11	Le le	2	Hổ	15
12	Vịt trời	1	Kỳ đà	11
13	Dơi / Bat	1	Khỉ	8
14	Mèo rừng	1	Mèo rừng	8
15	Cheo	1	Tê giác	7
16	Chim (nói chung)	1	Voi	5
17	Tê giác	1	Báo	4
18	Hổ	1	Thỏ rừng	4
19			Dơi	3
20			Gà nước	2
21			Le le	2
22			Kỳ nhông	2
23			Bò	1
24			Vượn	1
25			Baba	1

Danh mục 5 loài đầu tiên khó kiếm rất giống nhau theo quan điểm của 2 nhóm được phỏng vấn.

Các loài rắn, một lần nữa, xuất hiện trong danh sách này theo quan điểm của chủ nhà hàng/ quán ăn và của thực khách. Và danh sách do thực khách cung cấp có nhiều loài hơn.

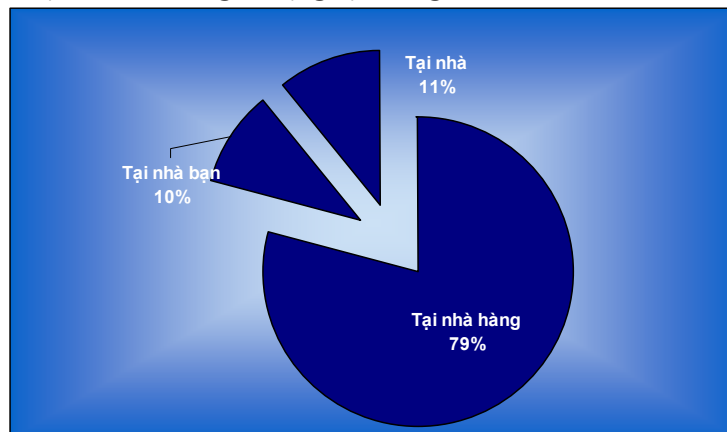
3.4 Lý do ăn động vật hoang dã?

403 trong số 483 thực khách được phỏng vấn đã thú nhận từng ăn thịt động vật hoang dã, một người trong số này thú nhận thường xuyên ăn thịt động vật hoang dã. 9 người khác trong số này cho biết có ăn đều hàng tháng 1 lần, 345 người khác cho biết thỉnh thoảng có ăn, còn 128 người khác cho biết mới ăn lần đầu thịt động vật hoang dã.

Có 316 người trả lời về địa điểm thường ăn động vật hoang dã: 250 câu trả lời cho biết địa điểm ăn động vật hoang dã là các nhà hàng/ quán ăn, 32 người khác cho biết ăn ở nhà bạn bè và 34

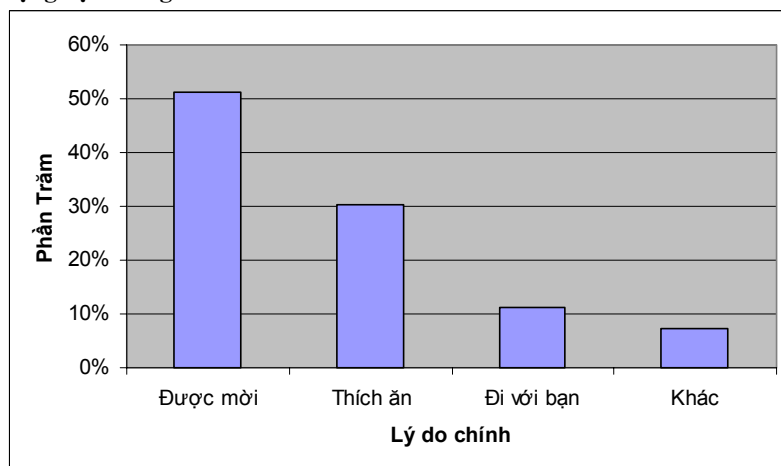
người trả lời ăn tại nhà. Điều này khẳng định việc tập trung của dự án khảo sát tình trạng kinh doanh động vật hoang dã tại nhà hàng là hoàn toàn đúng hướng.

Hình 10: Địa điểm các thực khách thường ăn động vật hoang dã



Có 393 câu trả lời về lý do ăn thịt thú hoang dã: câu giải thích phổ biến nhất là được mời ăn: 201 (51%) trường hợp. 119 (30%) trường hợp khác, cần chú ý đến nhóm này, cho biết thích ăn. 44 (11%) trường hợp khác cho biết được mời đi ăn để trả tiền, 29 (7%) các lý do khác.

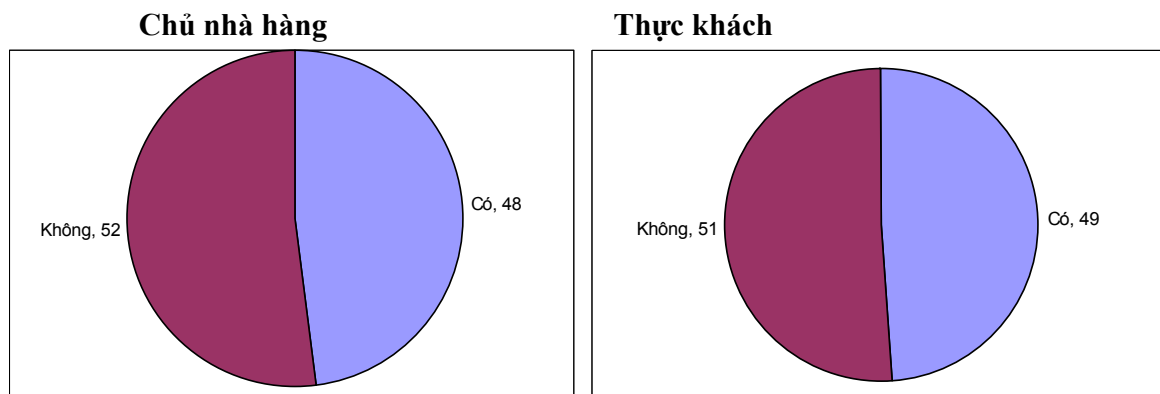
Hình 11: Lý do ăn động vật hoang dã



Trong 2 nhóm lý do đầu tiên do thực khách đưa ra, lý do “được mời”, trong một số hoàn cảnh, có thể hiểu như là “thích”. Vì có thích và đã từng ăn với bạn bè nên được mời bằng không nhóm này đã nêu ra lý do khác. Có thể kết luận ở đây là nhóm người thích ăn thịt động vật hoang dã chiếm 50% trong cộng đồng. Đây là tỷ lệ cao đe dọa đến nguồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam.

Có 654 (48%) trong số 1374 câu trả lời của chủ nhà hàng và 405 (49%) trong số 820 câu trả lời của thực khách là Việt nam có sự phong phú đa dạng về động vật hoang dã hơn các nước khác.

Hình 12: Quan điểm giống nhau (tại TP HCM) về sự đa dạng động vật tại Việt Nam theo 2 nhóm phỏng vấn



3.5 Một viễn cảnh sang lạn?

Theo nhóm người được phỏng vấn, việc tiêu thụ động vật hoang dã tại TP-HCM không đến nỗi quá hốt hoảng, những người này có những suy nghĩ lạc quan về động thực vật hoang dã và di sản thiên nhiên của Việt Nam.

Bạn có quan tâm đến các loài nguy cấp hay cạn kiệt nguồn di sản thiên nhiên Việt Nam không? Câu trả lời **CÓ** là 1192 /1366 (87%) cho chủ nhà hàng và 692/838 cho thực khách (82.5%).

Bạn có quan tâm đến thể hệ mai sau sẽ có cơ hội thấy loài này không? Câu trả lời **CÓ** là 1067/1294 (82,5%) cho chủ nhà hàng và 730/843 (86.6%) cho thực khách.

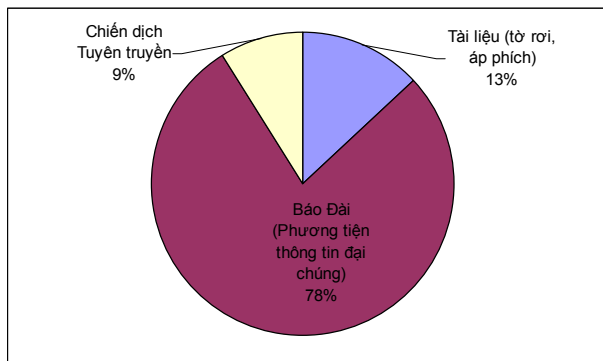
Bạn có nghe thấy bất kỳ mối liên quan nào giữa bệnh tật của con người và động vật hoang dã không? Câu trả lời **CÓ** là 938/1366 (69%) cho chủ nhà hàng và 608/847 (72%) cho thực khách.

Chỉ có 34/1581 (2%) nhà hàng bị xử lý hay bị phạt.

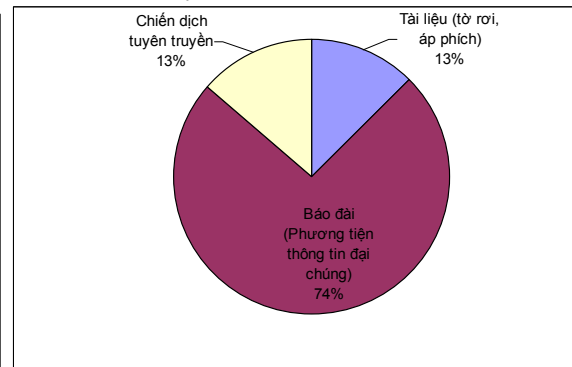
Các phương tiện thông tin đại chúng có thể xem là một công cụ hữu hiệu để nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo tồn thiên nhiên và động vật hoang dã, 724/929 chủ nhà hàng/quán ăn và 466/630 thực khách có vẻ ủng hộ phương thức này. Theo ý kiến của 83 chủ nhà hàng/quán ăn và 85 thực khách, các chiến dịch tuyên truyền có thể là một phương cách khác. Có 122 chủ nhà hàng/quán ăn và 79 thực khách cho rằng các tài liệu tuyên truyền và các tờ rơi (tờ bướm) là phương tiện tuyên truyền tốt nhất.

Hình-13: Quan điểm của 2 nhóm được phỏng vấn về phương pháp tiếp cận nâng cao nhận thức cộng đồng

Chủ nhà hàng



Thực khách



3.6. Tóm tắt các phát hiện của cuộc khảo sát

1. Sự sẵn sàng bảo vệ di sản thiên nhiên của Việt Nam của cộng đồng.

2a. Thiếu nhận thức chung về các loài nguy cấp trong tự nhiên.

2b. Tập trung nhận thức về các loài khó kiếm hiện nay, nghĩa là, bị nguy cấp do kinh doanh buôn bán như: Trút (Tê Tê), Cây, Rắn, Nai và Nhím (mặc dù các loài rắn cụ thể không nhắc đến) [*Ghi chú: Ba loài đầu tiên trùng với những phát hiện trong một cuộc khảo sát việc tiêu thụ nhiều nhất các loài động vật hoang dã tại Hồng Kông, với 44% tại hồng không và 35% tại trung Quốc (Lee 1998)*]

2c. Có sự nhận thức về mối quan hệ giữa việc kinh doanh động vật hoang dã và lây nhiễm các bệnh tật từ động vật hoang dã.

2d. Có sự nhận thức ở một số chủ nhà hàng quán ăn về các loài Voi, Bò rừng, Tê Giác, Hổ, Gấu và Báo đang là những loài nguy cấp.

2e. Thiếu nhận thức chung về giải pháp thay thế cho các loài động vật hoang dã đang bị buôn bán và tương ứng với việc gây nuôi hay tiếp thị các chất dinh dưỡng/ dược chất thay thế.

2f. Kênh tiếp cận trong tuyên truyền thông qua phương tiện đại chúng được ưa thích hơn so với các chiến dịch tuyên truyền hay phân phát tờ rơi.

3. Động vật hoang dã được thực khách trong nhóm tuổi từ 20-50 chọn dùng, đặc biệt là nam giới, và những người này có trình độ phổ thông (*hết cấp III*).

4. Các loài được tiêu thụ nhiều nhất (heo rừng, nai, rắn, thỏ rừng, và rùa) và các loài khoai khẩu (rắn, heo rừng, nai, rùa và cây) bao gồm cả những loài chưa bị nguy cấp (heo rừng, nai, và một loạt các loài rắn) mà có thể gây nuôi dễ dàng hơn trong điều kiện nuôi nhốt so với các loài nguy cấp, được cung cấp cho các nhà hàng (có sự kiểm soát của Chi cục KL-TP) để giảm nhẹ nhu cầu đối với các loài trong tự nhiên [Liên hệ Trại rắn Đồng tâm.]

5. Một số loài động vật hoang dã vẫn thấy trong thực đơn của một số nhà hàng quán ăn tại TP-HCM, mặc dù các loài này được bảo vệ bởi quyết định số 77 (1996). Đặc biệt là: Heo Rừng, Nai, Rắn và Nhím còn xuất hiện trên thực đơn, trong khi các loài thú linh trưởng được nuôi nhốt làm cảnh ngay khi chúng có thể được đưa về cứu hộ tại Trung tâm Cứu hộ Thú Linh Trưởng ở Cúc Phương, và các quảng cáo bán mật gấu vẫn xuất hiện tại hầu hết các nhà hàng quán ăn kinh doanh động vật hoang dã.

4. Thảo luận và đề xuất

Trong quá trình khảo sát, Chi Cục KLTPHCM đã phạt tổng cộng 172.203.000VND (khoảng 11,000 Mỹ kim) đối với 134 nhà hàng quán ăn, 12 cửa hàng bán đồ lưu niệm, 6 điểm kinh doanh đã vi phạm các quy định bảo vệ động vật hoang dã. Bên cạnh đó Chi cục KL TP-HCM cũng đã tịch thu 43 con tương đương 65.8kg các loài quý hiếm (như Cây Hương; Mèo Rừng; Rắn; Kỳ Đà; Rái Cá; Tê Tê; Vọc và Chân xám, v.v...); và 252 con động vật hoang dã bình thường (tương đương 49Kgs) như: Dúi, Le Le; Cua Đinh; Heo Rừng; Rùa; Bìm Bịp; Tắc kè; Kỳ Tôm và thịt thú rừng); và 112 sản phẩm động vật hoang dã như nanh heo rừng, Chồn nhồi bông; thắt lưng da cá sấu và da rắn.

Chi cục KL TP-HCM cũng đã phối hợp với Công An Quận 1, 12 và Tân Phú phạt 5.000.000VND; 72.000.000VND và 10.000.000VND, theo thứ tự trên, đối với những người kinh doanh vi phạm quy định bảo vệ động vật hoang dã và tịch thu 39 kg thịt thú rừng tại quận Nhất; 47 con Khỉ đuôi dài tại quận 12 và 70.1 kg các loài động vật quý hiếm 46.9 kgs động vật hoang dã thường, 134 bộ phận của động vật hoang dã và 463 chai rượu rắn tại quận Tân Phú

Khảo sát về kinh doanh động vật hoang dã tại các nhà hàng quán ăn trong TP HCM là một vấn đề liên tục thay đổi do một số nhà hàng/ quán ăn nhỏ thường xuyên thay đổi địa chỉ, đóng cửa hay một nhà hàng/ quán ăn mới vừa khai trương. Bên cạnh đó khả năng của các nhân viên kiểm lâm của Chi cục TP-HCM còn hạn chế trong việc định dạng một số loài quý hiếm và cần được bảo vệ. Tuy nhiên kết quả có giá trị trước tiên của cuộc khảo sát này đó là nhóm loài ưu tiên bị buôn bán mạnh tại các nhà hàng /quán ăn ở TP-HCM đã được xác định, chúng là nhóm các loài rắn và một số loài thằn lằn. Mặc dù hàng ngàn tờ rơi tuyên truyền các quy định về buôn bán động vật hoang dã và các áp phích ngăn chặn việc kinh doanh tiêu thụ bất hợp pháp các loài nguy cấp (xem phụ lục 2) đã được phân phát cho các nhà hàng trong cuộc khảo sát này, các hoạt động theo dõi thường xuyên và các kiểu tuyên truyền khác để nâng cao nhận thức cộng đồng cần thực hiện cho các nhóm đối tượng khác nhau. Ngay cả với nhân viên kiểm lâm, một số hoạt động tập huấn về định dạng một số loài động vật quý hiếm nguy cấp với các tài liệu nhận dạng đầy đủ và cập nhật các quy định, nguyên tắc mới trong ngành cũng rất cần thiết. Dưới đây là một số đề xuất cho các nhà quản lý:

1.- Các quán ăn trong nhà quy mô nhỏ là nhóm đối tượng chính của các nhà hàng quán ăn tại TP-HCM cần quan tâm với bất cứ các chiến dịch tuyên truyền nào. Theo số liệu phân tích, các quán ăn nhà hàng kiểu này là nơi mà thực khách hay đến nhất.

2.- Quy mô của các nhà hàng được xác định trên cơ sở số lượng bàn, mà các nhà hàng có quy mô chủ yếu là dưới 20 bàn. Với quy mô này, sự giả định rằng sự thay đổi thường xuyên của các nhà hàng ở quy mô này sẽ gây khó khăn cho lực lượng kiểm lâm TP-HCM trong việc theo dõi giám sát các vi phạm về kinh doanh động vật hoang dã.

3.- Các huyện vùng ngoài của TP-HCM như Bình Chánh, Gò Vấp, Quận 12 và Tân Bình là những vùng mà Chi cục KL TP-HCM nên ưu tiên triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng. Các hoạt động xây dựng tại các quận này phát triển mạnh trong những năm gần đây có thể là một cản trở cho các kiểm lâm viên nắm bao quát khu vực. Chi cục KL TP-HCM cần có thêm một lực lượng tình nguyện từ cộng đồng địa phương và kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương (như công an phường hay UBND phường) để thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động kinh doanh nhà hàng trong khu vực.

4.- Gần 40% các nhà hàng chưa hay không đăng ký hoạt động kinh doanh với các cấp có thẩm quyền (dựa trên số khai báo giấy phép đăng ký trong bản câu hỏi). Điều này sẽ làm tăng thêm những khó khăn cho tình hình theo dõi các hoạt động mua bán kinh doanh động vật hoang dã và thịt rừng. Đề xuất Chi cục KL TP-HCM hợp tác với các ngành liên quan xử lý các trường hợp này để nâng cao tính hiệu quả cho các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

5.- Cuộc khảo sát cho thấy nam giới lứa tuổi 20-40 nên là đối tượng chính cho bất kỳ hoạt động liên quan đến nâng cao nhận thức cộng đồng. Nhóm đối tượng này thường đến các quán ăn nhỏ trong nhà cùng bạn bè. Một số kênh tiếp cận với đối tượng này là các hoạt động quảng cáo trên truyền hình trong các trận bóng đá hay tại các sân bóng, các áp phích tuyên truyền kích thước vừa đến nhỏ để dán tại các nhà hàng /quán ăn, các chiến dịch tuyên truyền cho những lễ hội đặc biệt hay những ngày nghỉ tuyên thống, nghỉ lễ, v.v...

6.- Hầu hết các thực khách được phỏng vấn đều có trình độ cấp 3. Do vậy các ý tưởng về nâng cao nhận thức cộng đồng cho nhóm đối tượng này về loài nguy cấp, quan điểm bảo tồn thiên nhiên nên được nên được phiên dịch bằng những từ ngữ đầy đủ và phù hợp.

7.- Số liệu phân tích cũng chỉ ra rằng gần 70% không nắm bắt được các loài nguy cấp trong đó chỉ có 8% chủ nhà hàng có thể đưa ra 1 danh sách đầy đủ 5 loài nguy cấp. Đề xuất các áp phích về các loài nguy cấp cần trình bày rõ ràng về tình trạng bảo tồn của loài để nâng cao nhận thức cho cả 2 nhóm đối tượng được phỏng vấn là chủ nhà hàng và thực khách. Chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng cũng cần thiết kế phù hợp[và đặc biệt cho các chủ nhà hàng nhưng người sẽ đóng vai trò như là một tuyên truyền viên về các loài nguy cấp cho cộng đồng.

8.- Có khả năng một số người suy nghĩ các loài nguy cấp chỉ là các động vật có vú, trong khi đó một số loài chim đặc hữu và một số loài bò sát cũng cần được bảo vệ. Các nhóm loài khác (chọn lựa một số loài ưu tiên) nên được nêu ra trong các chiến dịch tuyên truyền. Tất cả các loài thú linh trưởng đều được pháp luật Việt Nam bảo vệ và có thể được tịch thu đưa về cứu hộ tại Trung Tâm Cứu Hộ Thú Linh Trưởng Cúc Phương.

9.- các chủ nhà hàng cũng là nhóm đối tượng nên nhận được các tập huấn về những loài nguy cấp theo các cách tập huấn không chính thức như điền bảng câu hỏi, nhận các áp phích hay các tờ rơi về loài nguy cấp.

10.- Rắn và một số loài bò sát vẫn nằm trong thực đơn của một số nhà hàng. Do vậy nên có một khóa tập huấn chi tiết về định dạng các loài rắn cho lực lượng kiểm lâm TP-HCM, đặc biệt là đội cơ động để xác định những loài rắn quý hiếm. Đây là lực lượng thường xuyên tuần tra trong địa bàn TP-HCM. Do vậy họ cần có những kỹ năng định dạng một số loài rắn nguy cấp tại các nhà hàng để tịch thu và đảm bảo độ an toàn cho nhân viên công vụ.

11.- Các áp phích, tờ rơi về các loài rắn nguy cấp cần được phổ biến tại các nhà hàng để nâng cao nhận thức cho cộng đồng đối với vấn đề này.

5. Kết luận

Cuộc khảo sát các hoạt động kinh doanh động vật hoang dã tại các nhà hàng quán ăn ở TP HCM đem lại một kết quả có giá trị cho các hoạt động nâng cao **nhận thức cộng đồng để từ đó giảm** thiểu hoạt động buôn bán động vật hoang dã. Khảo sát này cũng đem lại một số nhận thức cho các chủ nhà hàng và thực khách thông qua việc phân phát các tờ rơi và áp phích tuyên truyền. Cuộc khảo sát cũng nhận được một lợi từ các chủ nhà hàng bằng việc tham gia ký cam kết không kinh doanh hay phục vụ bất hợp pháp các loài động vật hoang dã. Các hoạt động tiếp theo lệ thuộc rất nhiều vào khả năng tuần tra theo dõi giám sát của lực lượng kiểm lâm TP-HCM.

6. Tài liệu tham khảo

A survey of the wildlife trade of HoChiMinh City Restaurant & Street-Kitchens Project document. 2003, Wildlife At Risk.

Lees, S (1998). Attitudes of Hong Kong Chinese towards wildlife conservation and the use of wildlife at medicine and food. TRAFFIC East Asia, Hong Kong.

Ministry of Science, Technology and Environment (1992): Red Data Book of Vietnam. Vol. I: Animals. Science and Publishing House, Hanoi.

Wildlife Animal Trade Monitoring at Selected Market in Guangzhou and Shenzhen, South China, 2000-2003. 2004, Kadoorie farm & Botanic garden Technical report No. 2.

Phụ lục-1 Kết quả trả lời các câu hỏi

1: a) Chủ nhà hàng trả lời các câu hỏi (tần xuất)

STT	Loài	Trong thực đơn	Có tại nhà hàng	Lỗi thực khách thích ăn	Lỗi khi kiểm	Lỗi ngu cấp tại Việt Nam
1	Rắn / Snake	257	8	65	20	107
2	Rùa / Turle	51	1	8	2	74
3	Kỳ nhông / Salamander	52	1	2	0	0
4	Kỳ đà / Water Monitor	12	1	3	3	0
5	Vịt trời / Spot-billed Duck	7	0	1	1	0
6	Le le / Lesser Whistling Duck	57	0	6	2	1
7	Gà nước / Rail	24	0	4	0	0
8	Dơi / Bat	10	1	0	1	0
9	Mèo rừng / Leopard Cat	0	0	0	1	2
10	Chồn / Civet	85	0	19	20	7
11	Gấu / Bear	2	0	1	6	112
12	Thỏ rừng / Hare	63	0	5	0	1
13	Nhím / Porcupine	126	0	16	10	3
14	Tê tê / Pangoline	20	1	3	22	34
15	Khỉ / Macaque	0	1	0	0	10
16	Heo rừng / Wild Pig	459	1	79	10	13
17	Nai / Sambar Dear	376	1	42	11	14
18	Mễn / Munjtac	78	0	5	0	7
19	Cheo / Chevrotain	123	0	3	1	0
20	Kỳ tôm / Monitor X	19	1	2	3	0
21	Giông đất / Monitor Y	16	4	3	0	0
22	Cu đất / Spotted Dove	65	4	5	0	0
23	Lười, Culi / Loris	0	0	0	0	0
24	Baba / Hawkbill Sea Turtle	12	3	2	0	0
25	Cá (chình) / Eel	1	0	0	0	0
26	Cua đing / Asiatic Softsell Turtle	18	2	5	0	0
27	Chim / Bird (in general)	41	0	3	1	1
28	Vượn / Gibbon	0	1	1	0	1
29	Rùa núi / Land Turtle	1	0	0	0	3
30	Tê giác / Rhino	0	0	0	1	171
31	Voi / Elephane	0	0	1	0	299
32	Hổ / Tiger	0	0	0	1	354
33	Bò / Gaur, Bateng, Kouprey	0	0	0	0	170
34	Báo / Panther	1	0	0	0	169
35	Công / Pheasant Peacock	0	0	0	0	14
36	Sếu / Crane	0	0	0	0	4
37	Saola	0	0	0	0	29
38	Bò cạp / Scorpion	3	0	0	0	8
39	Voọc / Langur	2	0	0	0	10
40	Dê núi / Serow	1	0	0	0	1

b) Thực khách trả lời các câu hỏi (tần xuất)

Loài	C3: Có ăn / Eaten species	C4: Thích ăn / Favourite species	C7: Khó tìm / Hard to find now	D8: Ở VN / Endangered species of Vietnam
Rắn / Snake	213	130	39	56
Rùa / Turle	59	34	28	39
Kỳ nhông / Salamander	26	7	2	0
Kỳ đà / Water Monitor	30	13	11	3
Vịt trời / Spot-billed Duck	13	8	0	0
Le le / Lesser Whistling Duck	48	18	2	3
Gà nước / Rail	31	10	2	0
Dơi / Bat	8	4	3	0
Mèo rừng / Leopard Cat	4	2	8	7
Chồn / Civet	63	31	45	9
Gấu / Bear	1	3	19	124
Thỏ rừng / Hare	93	23	4	2
Nhím / Porcupine	56	28	32	11
Tê tê / Pangoline	12	11	30	28
Khỉ / Macaque	4	3	8	15
Heo rừng / Wild Pig	304	99	27	18
Nai / Sambar Dear	230	82	38	8
Mễn / Munjtac	94	27	18	1
Cheo / Chevrotain	65	20	17	3
Kỳ tôm / Monitor X	0	0	0	0
Giông đất / Monitor Y	0	0	0	0
Cu đất / Spotted Dove	2	1	0	0
Lười, Culi / Loris	0	0	0	1
Baba / Hawkbill Sea Turtle	2	1	1	0
Cá (chình) / Eel	0	0	0	0
Cua đing / Asiatic Softsell Turtle	0	0	0	0
Chim / Bird (in general)	0	0	0	1
Vượn / Gibbon	0	0	1	7
Rùa núi / Land Turtle	0	0	0	0
Tê giác / Rhino	0	0	7	189
Voi / Elephane	0	0	5	243
Hổ / Tiger	0	0	15	296
Bò / Gaur, Bateng, Kouprey	0	0	1	126
Báo / Panther	0	0	4	145
Công / Pheasant Peacock	0	0	0	15
Sếu / Crane	0	0	0	3
Saola	0	0	0	17
Bò cạp / Scorpion	0	0	0	11
Vọc / Langur	0	0	0	11
Đê núi / Serow (Sơn dương)	0	0	0	6

Phụ lục-2: Bảng cam kết, tờ rơi và áp phích của dự án

- a) Bảng cam kết giữa chủ nhà hàng và đại diện FPD-HCMC về việc không kinh doanh buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã hay phục vụ trái phép các món thịt rừng tại nhà hàng.

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CAM KẾT

Không Mua Bán, Phục Vụ hoặc Sử Dụng trái phép Động Vật Hoang Dã

Tôi tên làsinh năm.....CMDN.....
thay mặt cho gia đình, đơn vị, hộ kinh doanh của chúng tôi.....
tại.....
Giấy phép kinh doanh:.....do.....
.....cấp ngày

Sau khi đã được tuyên truyền và giải thích về Luật Bảo Vệ và Phát triển Rừng của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Nghị Định 48/2002/NĐ-CP ngày 22/4/2002 của Chính Phủ về danh sách các loài động thực vật quý hiếm và các biện pháp bảo vệ, Chỉ Thị 12/2003/CT của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 16/5/2003 về tăng cường những biện pháp trong bảo vệ và phát triển rừng, Quyết Định 2399/QĐ-UB-KT của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM ngày 14/5/1997 trong việc bảo vệ, gây nuôi, kinh doanh, sử dụng và buôn bán động vật hoang dã.

Thay mặt cho gia đình, đơn vị, hộ kinh doanh, tôi cam kết:

1. Không kinh doanh hay buôn bán hay vận chuyển trái phép động vật hoang dã hay một phần của động vật hoang dã
2. Không tàng trữ hay sử dụng trái phép động vật hoang dã hay một phần của động vật hoang dã
3. Không phục vụ các thức ăn từ động vật hoang dã hay một phần của động vật hoang dã
4. Không trưng bày hay quảng cáo hay chế biến động vật hoang dã hay một phần của động vật hoang dã
5. Nếu vi phạm bản cam kết này tôi sẽ bị xử lý theo pháp luật và bị chấm dứt kinh doanh
6. Tôi cam kết sẽ tuyên truyền mọi người tham gia chấp hành các quy định trong bảo vệ động vật hoang dã.
7. Cung cấp thông tin cho Chi Cục Kiểm Lâm TP.HCM những trường vi phạm có liên quan đến kinh doanh, vận chuyển và sử dụng trái phép động vật hoang dã.

Bản Cam Kết này lập thành hai bản, Chi Cục Kiểm Lâm TP.HCM và Ủy Ban Nhân Dân Quận Huyện giữ một bản. Quán ăn nhà hàng giữ một bản, dán lên tường để mọi người biết và thực hiện.

..... ngày 2004

Đ/d CCKL TP.HCM

Người cam kết

b) Tờ rơi tuyên truyền của dự án được phân phát cho các chủ nhà hàng

XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến tài nguyên rừng, tùy theo mức độ mà bị xử phạt hành chính theo Nghị định 17/2002/NĐ-CP ngày 08/02/2002 hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

I. Xử phạt hành chính:

Khoản 7, Điều 1 NĐ17/CP: Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã là hành vi săn bắt, giết, mua, bán, tàng trữ nuôi nhốt, vận chuyển, sử dụng động vật hoang dã quý hiếm (nhóm IIB) và động vật hoang dã thông thường (kể cả sản phẩm của các loài động vật đó) có nguồn gốc từ tự nhiên mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được phép nhưng đã vi phạm các quy định về chế độ quản lý động vật hoang dã thì bị xử phạt:

- Phạt tiền từ 100.000đ đến 500.000đ nếu có hành vi: không có giấy phép săn bắt, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã...
- Phạt trên 500.000đ đến 1.000.000đ nếu săn bắt động vật hoang dã tại khu vực cấm...
- Phạt trên 1.000.000đ đến 5.000.000đ: nếu động vật hoang dã thông thường có giá trị đến 10.000.000đ, hoặc động vật hoang dã quý hiếm có giá trị đến 5.000.000đ.
- Phạt trên 5.000.000đ đến 15.000.000đ: nếu động vật hoang dã thông thường có giá trị đến 25.000.000đ, hoặc động vật hoang dã quý hiếm có giá trị đến 15.000.000đ.
- Phạt trên 15.000.000đ đến 35.000.000đ: nếu động vật hoang dã thông thường có giá trị đến 50.000.000đ, hoặc động vật hoang dã quý hiếm có giá trị đến 30.000.000đ.

- Phạt trên 35.000.000đ đến 50.000.000đ: nếu động vật hoang dã thông thường có giá trị đến 70.000.000đ, hoặc động vật hoang dã quý hiếm có giá trị đến 50.000.000đ.

- Người có hành vi vi phạm ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền còn bị phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng các loại giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện, công cụ, thu hồi giấy phép kinh doanh.

II. Truy cứu trách nhiệm hình sự:

(Điều 190 Bộ luật hình sự năm 1999): Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm: Người nào săn, bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm....



Chi Cục Kiểm Lâm TP. HCM



Tổ Chức Wildlife At Risk Việt Nam

Bảo Vệ và Phát triển động vật hoang dã

2004

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

- Các loài động vật hoang dã là một bộ phận không gi thay thế được của hệ thống sinh thái tự nhiên trên trái đất, chúng cần phải được bảo vệ cho hôm nay và mai sau.
- Các loài động, thực vật hoang dã có giá trị khoa học, văn hóa, giải trí và kinh tế ngày càng cao.
- Nhân dân và Chính phủ phải là những người bảo vệ và phát triển tốt nhất cho động vật hoang dã.

LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG QUY ĐỊNH

Điều 19: Việc khai thác các loài thực vật rừng, săn bắt các loài động vật rừng phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ động thực vật rừng.

Những loài thực vật, động vật quý hiếm phải được quản lý bảo vệ theo chế độ đặc biệt, danh mục và chế độ quản lý bảo vệ những loài thực vật, động vật rừng quý hiếm do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 20: Nghiêm cấm mọi hành vi phá rừng, đốt rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản, săn bắt động vật rừng, chăn thả gia súc vào rừng trái với quy định của pháp luật.



Điều 25: Việc xuất khẩu thực vật, động vật rừng phải được Bộ Lâm Nghiệp (nay là Bộ Nông Nghiệp & PTNT) cho phép.

Việc nhập nội giống thực vật, động vật rừng phải đảm bảo những nguyên tắc sinh học và những quy định về kiểm dịch quốc gia, không gây hại đến hệ sinh thái và phải được Bộ Lâm Nghiệp cho phép.

NGHỊ ĐỊNH 18/HĐBT 17-01-1992

Thực vật, động vật rừng quý hiếm trong Nghị Định này gồm những loài có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế và môi trường, có số lượng, trữ lượng ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng.

Động vật rừng quý hiếm: thuộc nhóm IB là loài có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế và môi trường, có số lượng, trữ lượng ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng; nhóm IIB là loài có giá trị kinh tế cao, đang bị khai thác quá mức, dẫn đến cạn kiệt có nguy cơ bị diệt chủng.

Động vật hoang dã thông thường là tất cả loài còn lại không nằm trong danh mục động vật hoang dã quý hiếm.



MUA, BÁN, VẬN CHUYỂN HỢP PHÁP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (cần có)

1. Đối với động vật hoang dã thông thường phải có:

- Giấy phép săn bắt động vật hoang dã thông thường (bản chính hoặc sao y bản chính của Hạt kiểm lâm sở tại).
- Giấy phép vận chuyển do Hạt kiểm lâm sở tại cấp (mẫu thống nhất).

2. Đối với động vật hoang dã theo quy định tại Nghị định 18/HĐBT phải có:

- Văn bản cho phép vận chuyển của Bộ Nông Nghiệp và PTNT.
- Giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục kiểm lâm sở tại cấp.

3. Đối với động vật hoang dã có nguồn gốc nhân giống, gây nuôi sinh sản phát triển phải có:

- Xác nhận của Chi cục kiểm lâm sở tại; đối với tổ chức cá nhân gây nuôi, nhân giống sinh sản (bản chính hoặc sao y bản chính của Hạt kiểm lâm sở tại).

- Hóa đơn bán hàng (đối với tổ chức cá nhân kinh doanh) hoặc bằng kê mua hàng (đối với tổ chức cá nhân thu mua trong dân).

- Giấy phép vận chuyển do Hạt kiểm lâm sở tại cấp theo mẫu thống nhất.

4. Đối với động vật hoang dã đã được xử lý tịch thu phải có:

- Biên lai thu tiền bán lâm sản.
- Giấy phép vận chuyển do cơ quan kiểm lâm sở tại cấp đối với loại thông thường và giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục kiểm lâm sở tại cấp đối với động vật hoang dã quý hiếm.

c) Áp phích của dự án được dán tại các nhà hàng được khảo sát

**BẮT NÓ TRONG RỪNG
LÀ VI PHẠM LUẬT.
BÁN NÓ CHO NHÀ HÀNG
LÀ VI PHẠM LUẬT.
GIẾT NÓ LÀ VI PHẠM LUẬT.
ĂN THỊT NÓ
CŨNG LÀ VI PHẠM LUẬT!**



 Hiện tại có hơn 120 loài thú quý đang có nguy cơ bị tuyệt chủng tại Việt Nam nhưng rất nhiều trong số này đang bị chế biến thành món ăn đặc sản tại các nhà hàng. Đừng trở thành người vi phạm pháp luật khi khuyến khích hình thức thương mại này. Hãy bảo vệ di sản thú rừng quý hiếm của Việt Nam.

WWF
WILDLIFE AT RISK

Photography: Cat Tien Conservation Project, WWF Vietnam - Phan Viet Lam, HCMC Zoo - Ngo Van Ti, Institute of Tropical Biology

Phụ lục-3: Bảng câu hỏi khảo sát

a) Bảng câu hỏi cho chủ nhà hàng

SỞ NN & PTNT TPHCM
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG CÂU HỎI DÀNH CHO CHỦ HỘ KINH DOANH ĂN UỐNG

A. Thông tin chung

Số tham khảo.....

Ngày:

Người phỏng vấn:

Tên Quán:

Quận:

Số ghế ngồi trong quán (ước lượng):

Địa chỉ:

Số giấy phép:

B. Chọn người để phỏng vấn

Trong gia đình có ai trên 18 tuổi? Để thu được kết quả ngẫu nhiên, chọn người gần tới ngày sinh nhật nhất. Tên người được chọn để phỏng vấn:

C. Phần câu hỏi chính

1. Thực đơn có ghi các loài động vật hoang dã không? Nếu có thì người phỏng vấn ghi vào:

(nếu không thì sang câu hỏi tiếp)

Rắn Rùa Kỳ Nhông Kỳ Đà Vịt trời Le le Gà nước Dơi Cầy Mèo rừng Chồn Gấu Thỏ
rừng Nhím Tê tê Khỉ Heo rừng Nai Mễn Cheo

Các loài khác:

Ghi nhận:

2. Có ghi nhận thấy trong quán ăn nhà hàng có động vật hoang dã hay không?

(nếu không có thì tiếp qua Phần D)

Loài	Số lượng (con, trọng lượng)	Giá mua	Giá bán	Baolâu/Lần

3. Quán lấy hàng từ nguồn nào? Bao nhiêu nguồn

(địa chỉ, giấy phép):

4. Có kho hay tủ trữ lạnh không? Y / N Loài thú nào thì trữ lạnh và giữ được lâu?

5. Có bao nhiêu khách ngày hôm nay, thời điểm..... (người phỏng vấn đếm):

Trung bình quán có bao nhiêu khách trong ngày thường:

tuần:

6. Những loài nào khách thích ăn nhất? (theo thứ tự)

7. Bạn có bán thức ăn từ nguồn gốc thực vật để thay thế không?

8. Bạn có mua con thú hoang với giá cao hơn cũng con thú đó mà nuôi ở nhà không? Y / N

9. Hiện nay có loài nào khó mua hơn trước không? Y / N. Nếu có thì kể ra năm loài khó nhất:

D. Câu hỏi phụ

10. Bạn có biết loài thú nào bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam không? Kể tên năm loài nếu được:

11. Bạn có biết là có loài thú nào chỉ có ở Việt Nam không? Kể tên năm loài nếu được:

Tại sao và do đâu mà bạn biết?

12. Bạn có nghĩ là Việt Nam có nhiều loài thú hoang dã hơn các nước khác không? Y / N

13. Bạn có nghĩ là nếu tiêu thụ động vật hoang dã như hiện nay thì sẽ tiêu diệt chúng hết không? Y / N

14. Bạn có quan tâm đến việc các thế hệ con cháu của mình vẫn tiếp tục được nhìn thấy các loài động vật hoang dã này hay không? Y / N

15. Bạn có nghe nói về những nguy cơ nếu ăn động vật hoang dã không rõ nguồn gốc? Y / N.

16. Bạn có biết rằng có liên hệ giữa động vật hoang dã và bệnh SARS không? Y / N

17. Quán đã được tuyên truyền về quản lý và bảo vệ động vật hoang dã chưa? Y / N

Khi nào?

18. Bạn có biết các quy định xử phạt nếu kinh doanh động vật hoang dã trái phép? Y / N

19. Quán có bị xử phạt chưa?

20. Bạn có muốn biết thêm thông tin về bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam trong tương lai không? Y / N

Dưới hình thức nào?

21. Bạn có góp ý gì cho tình trạng bảo vệ và quản lý thiên nhiên ở Việt Nam không?

Người trả lời

Người phỏng vấn

b) Bảng câu hỏi cho thực khách

SỞ NN & PTNT TPHCM
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG CÂU HỎI DÀNH CHO THỰC KHÁCH

A. Thông tin chung

Số tham khảo.....

Người phỏng vấn:

B. Chọn người để phỏng vấn

Để chọn được ngẫu nhiên: chọn người ngồi bàn gần cửa ra vào nhất

Tên người trả lời:

C. Câu hỏi chính

1. Bạn đã từng ăn động vật hoang dã chưa? Y / N

2. Nếu có thì bao nhiêu lần: rất ít / thỉnh thoảng / một lần một tháng / một lần một tuần / nhiều

3. Bạn ăn các loài nào kể sau:

Rắn Rùa Kỳ Nhông Kỳ Đà Vịt trời Le le Gà nước Dơi Cây Mèo rừng Chồn Gấu Thỏ rừng Nhím
Tê tê Khỉ Heo rừng Nai Mễn Chèo

Các loài khác:

Ghi nhận:

4. Bạn có uống rượu bia khi ăn động vật hoang dã không? Y / N

Nếu có thì: thỉnh thoảng / luôn luôn

5. Món ăn chế biến từ động vật hoang dã ưa thích nhất của bạn?

6. Loài động vật hoang dã ưa thích nhất của bạn để ăn? (theo thứ tự):

--	--	--	--	--

7. Thường ăn ở đâu? Ở nhà hay nhà bạn bè / ở ngoài tiệm

8. Kể ba lý do bạn ăn động vật hoang dã:

1
2
3

9. Có món ăn từ thực vật thay thế không?

10. Bạn có trả thêm tiền cho các con thú bắt trực tiếp từ thiên nhiên không? Y / N

11. Hiện nay có loài nào khó tìm hơn trước không? Y / N. Nếu có thì kể tên năm loài:

--	--	--	--	--

D. Câu hỏi phụ

12. Bạn có biết có loài động vật hoang dã nào chỉ có ở Việt Nam không? Kể tên năm loài:

--	--	--	--	--

13. Bạn có biết loài động vật nào bị đe dọa tuyệt chủng không ở Việt Nam? Kể tên năm loài:

--	--	--	--	--

Tại sao và từ đâu bạn biết được?

14. Bạn có nghĩ là Việt Nam có nhiều loài thú hoang dã hơn các nước khác không? Y / N

15. Bạn có nghĩ là nếu tiêu thụ động vật hoang dã như hiện nay thì sẽ tiêu diệt chúng hết không? Y / N

16. Bạn có quan tâm đến việc các thế hệ con cháu của mình vẫn tiếp tục được nhìn thấy các loài động vật hoang dã này hay không? Y / N

17. Bạn có nghe nói về những nguy cơ nếu ăn động vật hoang dã không rõ nguồn gốc? Y / N.

18. Bạn có biết rằng có liên hệ giữa động vật hoang dã và bệnh SARS không? Y / N

19. Bạn có biết các qui định xử phạt nếu kinh doanh động vật hoang dã trái phép? Y / N

20. Bạn có muốn biết thêm thông tin về bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam trong tương lai không? Y / N
Dưới hình thức nào?

21. Bạn có góp ý gì cho tình trạng bảo vệ và quản lý thiên nhiên ở Việt Nam không?

.....
.....

E. Tham khảo

(Người phỏng vấn tự điền)

Giới tính người trả lời: Nam / Nữ

Độ tuổi 20-30 30-40 40-50 50-60 trên 60

(Người phỏng vấn hỏi)

Trình độ: tiểu học / trung học / đại học / sau đại học

Có học ở nước ngoài chưa?

Nghề nghiệp:

Thu nhập bình quân hàng tháng (có thể từ chối không trả lời!):

Người trả lời

Người phỏng vấn